

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18-06-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bắc

Ông Nguyễn Bá Lý

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 729/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Y, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E đường C, tổ A phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1971; địa chỉ: Số E đường C, tổ A phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2023; bản tự khai ngày 10-10-2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Y trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu P tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 20-03-2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian và có 02 con chung. Tuy nhiên, thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Hữu P không có trách nhiệm với gia đình nên chúng tôi đã sống ly thân khoảng 10 năm nay, hiện nay bà đã ra ở riêng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hữu P.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Hữu P có 02 con chung là cháu Nguyễn Ri N, sinh ngày 05-04-2003 và cháu Nguyễn Bá C, sinh ngày 26-10-2009. Cháu Nguyễn Ri N đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Còn cháu Nguyễn Bá C hiện nay đang ở với bà, nên khi ly hôn bà yêu cầu Tòa án giao cho bà được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Bá C. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu P có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải ngày 13-5-2024 và có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16-5-2024 đều trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Y hiện nay đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mâu thuẫn vợ chồng ông và bà Trần Thị Y đã đến mức trầm trọng, cả hai không còn tiếng nói chung nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, nên ông chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Y.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Y có 02 con chung là cháu Nguyễn Ri N, sinh ngày 05-04-2003 và cháu Nguyễn Bá C, sinh ngày 26-10-2009. Hiện nay cháu Nguyễn Ri N đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Bá C đang ở với bà Trần Thị Y, khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Nguyễn Bá C cho bà Trần Thị Y trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Về cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Tại Văn bản trình bày đề ngày 16-5-2024, cháu Nguyễn Bá C, sinh ngày 26-10-2009 hiện cháu đang sống cùng với mẹ Trần Thị Y có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

4. Tại phiên tòa bà Y trình bày cuộc sống chung hai vợ chồng giữa bà và ông P không thể tiếp tục được nữa, nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hữu P và được nuôi con chung là cháu Nguyễn Bá C. Về bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nên không có để nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Hữu P, cư trú tại tổ A phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku có thẩm quyền

thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Hữu P có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 20-03-2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Hữu P là hợp pháp.

[5] Ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Y sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông P không có trách nhiệm với gia đình nên bà Y và ông P đã sống ly thân khoảng 10 năm nay, hiện nay bà Y đã ra ở riêng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu P có đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải ngày 16-05-2024 và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, điều trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị Y và giao con chung là cháu Nguyễn Bá C cho bà Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Hữu P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Y với ông Nguyễn Hữu P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Hữu P có 02 con chung là cháu Nguyễn Ri N, sinh ngày 05-04-2003 và cháu Nguyễn Bá C, sinh ngày 26-10-2009. Cháu Nguyễn Ri N đã thành niên và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Bá C hiện đang sống cùng với bà Trần Thị Y. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và ông Nguyễn Hữu P đồng ý giao cháu Nguyễn Bá C cho bà Trần Thị Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, việc này phù hợp với nguyện vọng của cháu C và đảm bảo cho việc học hành sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Y theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Hữu P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y và ông P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bà Trần Thị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Y**.

1. *Về hôn nhân*: Cho bà **Trần Thị Y** ly hôn ông **Nguyễn Hữu P**.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu **Nguyễn Bá C**, sinh ngày 26-10-2009 cho bà **Trần Thị Y** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. *Về án phí*: Bà **Trần Thị Y** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001425 ngày 10-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà **Trần Thị Y** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Ia Kring, TP.Pleiku;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Công Tồn